

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí thành lập mới, bồi dưỡng,
đào tạo cán bộ Hợp tác xã, tổ hợp tác năm 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 1234/BTC-NSNN ngày 27 tháng 01 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Bổ sung 35.910 triệu đồng (ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười triệu đồng) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo phụ lục đính kèm) từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách Trung ương năm 2010 đã được Quốc hội quyết định để hỗ trợ thành lập mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác năm 2010 như đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 1234/BTC-NSNN nêu trên. Việc quản lý, sử dụng số kinh phí được hỗ trợ thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương và số kinh phí được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này để bảo đảm thực hiện tốt việc hỗ trợ thành lập mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ Hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo phụ lục đính kèm) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT.HTH

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTCP, các Phó Thủ tướng;
- VPCP: BTCN, PCN Phạm Văn Phụng,
các Vụ: TH, ĐP, TKBT;
- Lưu: VT, KTHH (3). ~~75~~

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng



**BỘ SƯNG KINH PHÍ THÀNH LẬP MỚI, BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO
CÁN BỘ HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC NĂM 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 317/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	NSTW hỗ trợ
1	2	3
	Tổng số	35.910
1.	Hà Giang	800
2.	Tuyên Quang	1.090
3.	Cao Bằng	360
4.	Lạng Sơn	1.270
5.	Lào Cai	290
6.	Yên Bái	840
7.	Thái Nguyên	1.610
8.	Bắc Kạn	890
9.	Phú Thọ	1.040
10.	Bắc Giang	1.120
11.	Hoà Bình	1.530
12.	Sơn La	410
13.	Lai Châu	310
14.	Điện Biên	410
15.	Hải Dương	1.520
16.	Hưng Yên	600
17.	Bắc Ninh	190
18.	Hà Nam	770
19.	Nam Định	1.690
20.	Ninh Bình	410
21.	Thái Bình	330
22.	Thanh Hoá	1.640
23.	Nghệ An	2.820
24.	Hà Tĩnh	750
25.	Quảng Bình	330
26.	Quảng Trị	1.230
27.	Thừa Thiên - Huế	250
28.	Quảng Nam	350
29.	Quảng Ngãi	200
30.	Bình Định	250
31.	Phú Yên	200
32.	Ninh Thuận	180
33.	Bình Thuận	350
34.	Đắk Lắk	820
35.	Đắk Nông	1.470
36.	Gia Lai	380
37.	Kon Tum	700

38.	Lâm Đồng	1.370
39.	Bình Phước	130
40.	Tây Ninh	130
41.	Long An	190
42.	Tiền Giang	270
43.	Bến Tre	190
44.	Trà Vinh	260
45.	Vĩnh Long	230
46.	Cần Thơ	210
47.	Hậu Giang	230
48.	Sóc Trăng	180
49.	An Giang	1.640
50.	Đồng Tháp	260
51.	Kiên Giang	430
52.	Bạc Liêu	280
53.	Cà Mau	510